

Bản án số: 91 /2017/HSST

Ngày: 26/10/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Xuân Thuật - Chủ tịch UBMTTQ xã Đông Quang, Ba Vì. Hà Nội.

- Ông Nguyễn Minh Tuấn – Chủ tịch hội nông dân xã Châu Sơn, Ba Vì ,Hà Nội

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phương Lan – Chức vụ: Thẩm tra viên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì – Tp Hà Nội tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Thái Bình – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thái Hòa – huyện Ba Vì – Tp Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số 94/2017/TL – HSST ngày 11/10/2017 đối với các bị cáo:

1/ NGUYỄN VĂN Q, Sinh năm: 1979. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 4, xã ĐX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Trình độ văn hoá: 03/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn T, SN: 1953- đã chết. Con bà: Ngô Thị H, SN: 1946. Vợ là: Đỗ Thị H1, SN 1987. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền sự: Không, Tiền án: 03: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 207/2009/HSST ngày 17/9/2009. TAND huyện Từ Liêm- Hà Nội, xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 08/01/2010. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2011/HSST ngày 10/8/2011. TAND huyện Ba Vì-Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” , đã chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 20/12/2011.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 177/2014/HSST ngày 28/8/2014, TAND quận Hà Đông- Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 22/3/2016. Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 630/2007/HSST ngày 18/10/2007. TAND thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Q bị tạm giữ từ ngày 27/7/2017 đến ngày 30/7/2017 và bị tạm giam từ 30/7/2017 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Ba Vì. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2/ NGUYỄN VĂN K, Sinh năm: 1989. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 4, xã ĐX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Trình độ văn hoá: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam .Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn T1 (N), SN: 1963. Con bà: Nguyễn Thị H2, SN: 1965. Vợ là: Hoàng Thị H3, SN 1991. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền sự: Không, Tiền án: 01 tiền án : Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2008/HSST ngày 08/01/2008. TAND huyện Lâm Thao xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng đến ngày 05/9/2017 mới nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

3/ Người bị hại: Chị **Đinh Thị Thanh L**, sinh năm 1991.

Trú quán: Thôn LM, xã TA, huyện BV, thành phố Hà Nội.

4/ Người có Q1 lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Công H4, sinh năm 1980

Trú quán: Khu 6, xã MC, huyện BV, Thành phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1992.

Trú quán : Khu 4, xã ĐX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ

(Chị L, anh H4, anh Q1 đều xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng hơn 09h sáng ngày 31/12/2016, Nguyễn Văn Q mượn xe nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 19K1-23384 của Nguyễn Văn Q1 rồi rủ Nguyễn Văn K đi chơi cùng. Q điều khiển xe chở sau là K, di chuyển từ Trung Hà hướng đi Hà Nội. Do không có tiền tiêu xài nên Q đã rủ K tìm cửa hàng điện thoại nào sơ hở không nhằm chiếm đoạt điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi qua địa phận xã Chu Minh- Ba Vì, thấy cửa hàng di động “Hào

Phong” nằm trên trục đường Quốc lộ 32 có một mình chị Đinh Thị Thanh L trông giữ và bán hàng. Q bảo K: “*Đây rồi cửa hàng này có một nhân viên, quay lại để lấy trộm điện thoại*”. Thấy K đồng ý, Q điều khiển xe vào cửa hàng, qua trao đổi với chị L về việc muốn mua điện thoại khoảng 10.000.000 đồng, chị L có lấy ra 02 chiếc điện thoại Iphone 6 màu hồng, đã qua sử dụng, sau khi xem xong Q và K không mua với lý do máy có nhiều vết xước. Chị L tiếp tục lấy ra chiếc Iphone 7, màu vàng, 32G, số IMEL 359204078910135 thì Q và K mua chiếc điện thoại này. Chị L để chiếc điện thoại trong hộp trên mặt bàn tại quầy thu ngân để giao dịch, lúc này Q ngồi chệch chéo so với chị L. Để tạo điều kiện cho Q lấy trộm, K giả vờ hỏi mua sim điện thoại, lợi dụng lúc chị L cúi xuống chọn sim cho K, Q dùng tay lấy được chiếc điện thoại Iphone 7 trên mặt bàn nhưng chưa kịp cất giấu. Để có cơ hội lấy điện thoại, Q tiếp tục hỏi chị L cho xem chiếc Iphone 7 màu khác, lợi dụng khi chị L đi trước, Q đã cất chiếc điện thoại vào túi quần. Vì Q và K không chọn chiếc Iphone 7 màu hồng nên chị L quay trở lại quầy thu ngân để tiếp tục giao dịch, cùng lúc này Q đi ra ngoài quay xe chờ sẵn, biết Q đã lấy được điện thoại nên K tìm cách tẩu thoát, K hỏi chị L “Ở cửa hàng có thanh toán tiền đô la mỹ không” thì chị L nói “Cửa hàng không thanh toán tiền đô la mỹ” và bảo K ra ngoài đổi rồi quay lại thanh toán. Nhân cơ hội, K ra ngoài rồi cùng Q tẩu thoát xuống Hà Nội. Khi đang uống café dưới gần bến xe Mỹ Đình- Hà Nội, Q đã bán chiếc điện thoại Iphone 7 vừa trộm được cho một người đàn ông không quen biết với giá 10.000.000 đồng. Số tiền bán được, Q đã chi 1.200.000 đồng cho ăn uống, chia cho K 4.400.000 đồng, còn lại Q giữ 4.400.000 đồng. Sau đó, Q bảo K đi xe máy về trả xe đã mượn cho Q1 còn Q ở lại Hà Nội. Sau khi CQĐT khởi tố vụ án, Q và K đã bỏ trốn tại địa phương, CQĐT-CA huyện Ba Vì đã ra quyết định truy nã số 02 ngày 04/3/2017 đối với Nguyễn Văn Q. Đến ngày 27/7/2017, Q đã đến Công an phường Quỳnh Lôi- Hai Bà Trưng- Hà Nội để đầu thú. Ngày 29/7/2017, Nguyễn Văn K đã đến CQĐT-CA huyện Ba Vì để đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân ngày 31/12/2016. Tại CQĐT Công an huyện Ba Vì, Q và K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong TTHS huyện Ba Vì số 01/2017 KL-ĐGTS ngày 13.02.2017, kết luận: *01 chiếc điện thoại di động Iphone 7, màu vàng, 32 G có số IMEL 359204078910135 có giá trị là 18.290.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).*

Đối với đối tượng mà đã mua điện thoại do Q trộm cắp được, do Q không quen biết nên CQĐT chưa tiến hành điều tra xác minh được lai lịch, tên tuổi, địa chỉ đối tượng trên. Do vậy CQĐT tiếp tục điều tra xác minh làm rõ và xử lý sau khi đã có đủ căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn Q1 đã cho Q mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 19K1-23384 do Q1 làm chủ sở hữu. CQĐT đã điều tra, xác minh Q1 không biết mục đích trộm cắp của Q nên CQĐT không thu giữ chiếc xe trên đồng thời không đề cập xử lý đối với Nguyễn Văn Q1.

Về vật chứng:

-01(một) chiếc điện thoại di động Iphone 7, màu vàng, 32 G có số IMEL 359204078910135 là tang vật của vụ án. Q đã bán cho một người không quen biết. CQĐT đã ra thông báo truy tìm vật chứng và tiến hành truy tìm nhưng chưa tìm thấy.

-01(một) vỏ hộp đựng điện thoại di động Iphone 7, màu vàng, 32 G có số IMEL 359204078910135 do anh Trần Công H4- là chủ cửa hàng di động Hào Phong giao nộp. CQĐT đã trả lại tài sản theo Quyết định xử lý vật chứng số 130/CSĐT ngày 07/9/2017 theo hình thức: Trả lại cho bị hại.

-01 (một) USB bên trong chứa các đoạn video chứa nội dung diễn biến vụ trộm tại cửa hàng di động Hào Phong ngày 31/12/2016. CQĐT đã ra Quyết định trưng cầu C54-Bộ công an giám định và sao trích ra đĩa DVD, CQĐT chuyển theo hồ sơ để phục vụ truy tố, xét xử vụ án.

Về dân sự:

Ngày 20/8/2017, bị cáo Nguyễn Văn K cùng đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn Q đã đến bồi thường cho chị Đinh Thị Thanh L 18.290.000 đồng như giá trị chiếc điện thoại, chị L, anh H4 không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự đối với các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 88/CT-VKS ngày 10/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung như cáo trạng truy tố. Đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn K về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b,p khoản 1 khoản 2 Điều 46 BLHS. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,p khoản 1 khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 30 đến 36 tháng tù . Bị cáo K từ 09 đến 12 tháng tù. Miễn hình phạt tiền cho bị cáo. Về vật chứng vụ án : Tiếp tục bảo quản theo hồ sơ 01 đĩa DVD có lưu giữ hình ảnh các bị cáo Q, K thực hiện hành vi phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQĐT, lời khai của người bị hại, lời khai của người có Q1 lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, phù hợp kết quả giám định hình ảnh các bị cáo được lưu giữ trong camera mà cơ quan công an đã giám định. HĐXX nhận định: Vào khoảng 09 giờ sáng ngày 31/12/2016 các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của chị Đinh Thị Thanh L là nhân viên bán hàng điện thoại di động không để ý khi quản lý tài sản, Q, K đã có hành vi vờ hỏi chị L cho xem chiếc màu khác, giả vờ hỏi mua sim, nhằm đánh lạc hướng người đang quản lý tài sản, lợi dụng lúc chị L cúi xuống chọn sim và đi lấy điện thoại, Q đã lấy trộm được chiếc điện thoại Iphone 7 trên mặt bàn rồi cất giấu vào túi quần của Q. Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Vì số 01/2017 KL-ĐGTS ngày 13/02/2017, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7, màu vàng, 32 G có số IMEL 359204078910135 có giá trị là 18.290.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn). Như vậy HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo Q, K lén lút, lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, các bị cáo đã chiếm đoạt được tài sản là chiếc điện thoại di động Iphone 7 ngày 31/12/2016 đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định theo khoản 1, khoản 2 Điều 138 BLHS. Do vậy việc

truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, để xét xử là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến Q1 sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an địa phương. Do vậy cần phải xử bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có đồng phạm nhưng chỉ ở mức độ giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm rõ ràng cụ thể, do vậy khi lượng hình HĐXX xem xét, đánh giá vai trò của từng bị cáo phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q là người khởi sự, rủ rê, lôi kéo bị cáo K cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Q là người trực tiếp chiếm đoạt chiếc điện thoại và đã chiếm đoạt được, chiếc điện Iphone 7 được hội đồng định giá 18.290.000đ, do vậy bị cáo Q giữ vai trò đầu vụ và chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn K là người tham gia tích cực, giúp sức cho bị cáo Q chiếm đoạt chiếc điện thoại, bị cáo K có hành vi giả vờ hỏi mua sim điện thoại để đánh lạc hướng người đang quản lý tài sản, tạo điều kiện cho bị cáo Q chiếm đoạt được tài sản là chiếc điện Iphone 7 được hội đồng định giá 18.290.000đ, do vậy bị cáo K giữ vai trò thứ hai trong vụ án và chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo Q.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn K có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo ra đầu thú khi đang bị truy nã, bố bị cáo K là ông Nguyễn Văn Nên là người có công với cách mạng, do vậy các bị cáo Q, K được áp dụng điểm b,p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Qua phân tích và nhận định trên HĐXX xét thấy: mặc dù các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo ra đầu thú khi đang bị truy nã, bố bị cáo K là ông Nguyễn Văn Nên là người có công với cách mạng được áp dụng điểm b,p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội, đối với bị cáo Nguyễn Văn Q đang có tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 177/2014/HSST ngày 28/8/2014 TAND quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS. Bị cáo Q đã chấp hành xong hình phạt tù, ra trại ngày 22/3/2016 nhưng chưa được xóa án tích, như vậy lần phạm tội này của bị cáo Q là tái phạm nguy hiểm. Đối với bị cáo Nguyễn Văn K đang có tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2008/HSST ngày 28/01/2008 TAND huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cướp giật tài sản, bị cáo K đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng đến ngày 05/9/2017 bị cáo mới nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, chưa được xóa án tích, như vậy lần phạm tội này của bị cáo K là tái phạm. Các bị cáo Q, K không lấy đây làm bài học cảnh tỉnh cho mình, mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội cùng loại trong thời gia chưa được xóa án tích, do vậy cần phải áp dụng Điều 33 BLHS buộc các bị cáo Q, K phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, nhằm giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Tại khoản 5 Điều 138 BLHS còn quy định người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ nếu xét các bị cáo Q, K đều có hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn. HĐXX miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án : Áp dụng điều 41 BLHS, điều 76 BLTTHS xử lý vật chứng như sau :

Đối với chiếc xe máy Yamaha Sirius BKS 19K1-23384 chủ phương tiện là anh Nguyễn Văn Q1, SN 1992, ở Khu 4, Đỗ Xuyên, Thanh Ba, Phú Thọ. Mặc dù là công cụ, phương tiện phạm tội, nhưng Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ khi bị cáo Q hỏi mượn anh Q1 chiếc xe máy này, anh Q1 không biết việc bị cáo Q, K sử dụng chiếc xe máy này làm phương tiện phạm tội, cơ quan điều tra xác định không liên quan, không tiến hành thu giữ chiếc xe máy này là hoàn toàn đúng luật định.

Đối với người đàn ông đã mua chiếc điện thoại di động Iphone 7 của các bị cáo với số tiền 10.000.000đ, các bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ của người đàn ông này, cơ quan điều tra cũng xác minh người đàn ông này, ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa tìm thấy, không biết người đàn ông này là ai, do vậy khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với số tiền 10.000.000đ mà các bị cáo Q, K thu lời bất chính từ việc bán chiếc điện thoại di động Iphone7 trộm cắp được, trong quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả, bồi thường cho người bị hại số tiền 18.290.000đ như giá trị chiếc điện thoại, do vậy HĐXX xét thấy không truy thu số tiền này từ các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại Iphone7 các bị cáo Q, K đã trộm cắp rồi bán cho người đàn ông không quen biết, cơ quan điều tra đã xác minh, ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả, không thu hồi được chiếc điện thoại này, chiếc điện thoại này được hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá 18.290.000đ, người bị hại cũng đã nhận bồi thường số tiền theo giá trị chiếc điện thoại và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với 01(một) vỏ hộp đựng điện thoại di động Iphone 7, màu vàng, 32 G có số IMEL 359204078910135 do anh Trần Công H4- là chủ cửa hàng di động Hào Phong giao nộp. CQĐT đã trả lại tài sản theo Quyết định xử lý vật chứng số 130/CSĐT ngày 07/9/2017 cho bị hại là đúng luật định.

Đối với 01 (một) USB bên trong chứa các đoạn video chứa nội dung diễn biến vụ trộm tại cửa hàng di động Hào Phong ngày 31/12/2016. CQĐT đã ra Quyết định trưng cầu C54-Bộ công an giám định và sao trích ra đĩa DVD,HĐXX xác định đây là vật chứng lưu giữ hình ảnh các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần tiếp tục bảo lưu, lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Người bị hại là chị Đinh Thị Thanh L, người có Q1 lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Công H4 đã nhận từ các bị cáo và gia đình bị cáo số tiền bồi thường 18.290.000đ như giá trị chiếc điện thoại, chị L, anh H4 không yêu cầu bồi thường gì về dân sự đối với các bị cáo Q, K.

☐n phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử : Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

2/ Áp dụng: điểm c, khoản 2, Điều 138; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; khoản 3 Điều 228 BLTTHS.

Xử phạt : Bị cáo **Nguyễn Văn Q : 32** (Ba mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/7/2017.

3/ Áp dụng: khoản 1, Điều 138; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Xử phạt : Bị cáo **Nguyễn Văn K : 09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

4/ Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về Q1 kháng cáo : Áp dụng điều Điều 231 BLTTHS.

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn K có Q1 kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Đinh Thị Thanh L có Q1 kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Anh Trần Công H4, anh Nguyễn Văn Q1 có Q1 kháng cáo phần bản án có liên quan đến Q1 lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q1 thỏa thuận thi hành án, Q1 yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên Toà

Nơi nhân:

- TAND Tp. Hà Nội
- VKSND Ba vì
- Công an Ba vì.
- T.H.A Ba vì.
- Những ng- ời tham
gia tố tụng.

Nguyễn Phúc Thịnh